

Bản án số: 190/2024/DS-ST

Ngày 18/7/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Minh.

2. Bà Huỳnh Thị Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hồ Hải Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị X – bà Phạm Thị Kim T trình bày: Bà X có cho ông M và bà D vay nhiều lần tiền cụ thể: Vào ngày 06/4/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 08/4/2022 vay 70.000.000 đồng; ngày 19/5/2022 vay 60.000.000 đồng; ngày 24/11/2022 vay 02 lần mỗi lần 20.000.000 đồng (là 40.000.000 đồng); ngày 14/02/2023 vay 130.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng theo các biên nhận nợ đã nộp cho Tòa, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng.

Trong năm 2022, vợ chồng ông M, bà D đã trả được nhiều lần tiền lãi tổng cộng là 30.000.000 đồng. Từ năm 2023 đến nay, ông M, bà D không trả lãi

cho bà X, những lần trả lãi hai bên không có làm biên nhận gì.

Nay bà X yêu cầu ông M và bà D cùng có nghĩa vụ trả lại số vay vốn còn nợ là 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4/2023 đến tháng 4/2024, với mức lãi suất 1,5%/tháng, thành tiền là 68.250.000 đồng; tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 418.250.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Theo Bản tự khai và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Lê Văn M trình bày: Vào năm 2022, vợ chồng ông có vay bà X nhiều lần tiền tổng số là 220.000.000 đồng, đến năm 2023 vợ chồng ông vay thêm 130.000.000 đồng (ông không nhớ rõ thời gian vay tiền cụ thể), tổng cộng số tiền vợ chồng ông còn nợ bà X là 350.000.000 đồng, các lần vay bà X đều có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Từ khi vay, vợ chồng ông đều trả tiền lãi đầy đủ cho bà X, đến tháng 7/2023 thì ông ngưng không trả lãi, do ông bị bệnh tai biến không có khả năng lao động được, những lần trả lãi hai bên không có làm biên nhận gì. Nay vợ chồng ông đồng ý trả lại bà X số tiền vay còn nợ là 350.000.000 đồng nhưng do hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và xin không trả lãi theo yêu cầu của bà X.

- Tại Bản tự khai bị đơn bà Trần Thị D trình bày: Vào năm 2022, vợ chồng bà có vay của bà X tổng số tiền là 220.000.000 đồng. Đến năm 2023, vay thêm 130.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng. Hàng tháng, vợ chồng bà vẫn trả lãi cho bà X, đến tháng 07/2023 thì ngưng không trả lãi do ông M bị bệnh không có khả năng trả lãi tiếp. Nay bà đồng ý trả lại bà X số tiền còn nợ là 350.000.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 500.000 đồng.

* Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị X – bà Phạm Thị Kim T trình bày: Bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay bà X yêu cầu ông M và bà D cùng có nghĩa vụ trả lại số vay còn nợ là 350.000.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà X và ông M, bà D là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 18/6/2024, ông M và bà X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông M và bà X.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà X yêu cầu ông M và bà D cùng có nghĩa vụ trả lại số vay vốn còn nợ là 350.000.000 đồng, thời gian trả khi bản án có hiệu lực pháp luật, theo các biên nhận từ BL 35 đến BL 38. Xét thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 22/4/2024 và ngày 12/6/2024, ông M và bà D đồng ý trả lại bà X số tiền vay còn nợ là 350.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ nhưng bà X không đồng ý. Do ông M và bà D đã vi

phạm về nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà X. Vì vậy, yêu cầu của bà X là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông M và bà D cùng có nghĩa vụ trả lại bà X số tiền vay còn nợ là 350.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi, bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M và bà D phải chịu án phí nhưng do ông M và bà D là người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ông M và bà X được miễn nộp án phí. Bà X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** XỬ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.**

- Buộc ông Lê Văn M và bà Trần Thị D cùng có nghĩa vụ trả lại bà Nguyễn Thị X số tiền là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M và bà D chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông M và bà D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông M và bà D được miễn nộp án phí.

+ H lại bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000 đồng theo biên lai số 0013387 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà X được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng ông M và bà D thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- CC THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An